

CHUẨN GIÁO VIÊN VÀ ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN DỰA TRÊN NĂNG LỰC Ở PHILIPPINES

DƯƠNG QUANG NGỌC*

Ngày nhận bài: 25/04/2016; ngày sửa chữa: 05/05/2016; ngày duyệt đăng: 05/05/2016.

Abstract: Quality of scientific research and learning of students depends mainly on quality of teachers. Therefore, improving the quality of teachers is the key task to enhance quality of education. In this article, author presents National Competency Based Teacher Standards, and tools for assessing demand of teacher training based on competences of Singapore. These standards and tools provide orientations on competences of teachers- basic factor to improve quality of national education system.

Keywords: Standards; assessment tools; competence.

1. Chuẩn giáo viên (CGV) quốc gia dựa trên năng lực (NL)

Vấn đề về chất lượng giáo viên (GV) khoa học là vấn đề quan trọng nhất trong các nhân tố nhà trường, có ảnh hưởng đến thành tích học tập khoa học của học sinh (HS). Để có thể đạt được hiệu quả giảng dạy, GV cần nhìn nhận bản thân như một khả năng đạt được kết quả giảng dạy tốt. CGV quốc gia dựa trên NL (National Competency Based Teacher Standards - NCBTS) đã xác định những gì được coi là giảng dạy hiệu quả. Chuẩn mô tả về giảng dạy tốt hoặc hiệu quả là như thế nào dưới dạng những điều mà khả năng của GV có thể làm để giúp cho HS học tập tốt hơn.

CGV quốc gia dựa trên NL nói lên một quan điểm về giảng dạy lí tưởng được liên kết chặt chẽ với những hiểu biết hiện nay về giảng dạy và học tập hiệu quả. Vì vậy, những phẩm chất của GV giỏi không được định nghĩa trong một ý nghĩa kĩ thuật trừu tượng, giống như giảng dạy không được xem đơn thuần là một quy trình kĩ thuật được thực hiện với những điều kiện tiên quyết đầu vào và đầu ra mong muốn. Thay vào đó, các mô hình mới thể hiện trong CGV quốc gia dựa trên NL là việc phản ánh và áp dụng những kiến thức kĩ thuật phức tạp và khó giải quyết để tạo điều kiện cho HS học tập trong bối cảnh thực tế.

CGV dựa trên NL được tổ chức theo các thang mức độ. Ở mức cao nhất bao gồm 7 lĩnh vực. Lĩnh vực (domains) được xác định như là quá trình dạy - học và cũng là minh chứng cho hành vi tích cực của GV. Mỗi lĩnh vực được xác định trong khuôn khổ của nguyên tắc về giảng dạy lí tưởng kết hợp với khả năng học tập cao của HS. Dưới mỗi lĩnh vực được chia

thành nhiều mạch. Mạch (strands) nhằm để xác định cụ thể hơn hành vi tích cực của GV thuộc lĩnh vực. Dưới mỗi mạch là các chỉ số. Chỉ số (indicators) được coi là nền tảng, có thể quan sát và đo lường được hành vi của GV, hoạt động, sở thích, thói quen và thực tiễn đã biết để tạo ra, tạo điều kiện và hỗ trợ nâng cao học tập.

CGV quốc gia dựa trên NL của Philippines gồm 7 lĩnh vực, 23 mạch và 80 chỉ số. Dưới đây là những đặc điểm chính của 7 lĩnh vực.

- *Lĩnh vực 1: Vấn đề xã hội cho học tập.* Trong lĩnh vực này, GV thường hỏi "HS có thể đánh giá cao và mô hình hóa giá trị của học tập thông qua tương tác của tôi với các em không". Lĩnh vực này tập trung vào ý tưởng mà GV cung cấp như là một mô hình tích cực và mạnh mẽ về giá trị của việc theo đuổi học tập và những nỗ lực để học tập.

- *Lĩnh vực 2: Môi trường học tập.* Câu hỏi quan trọng đối với GV là "Tôi có tạo ra một môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong lớp học cho phép HS của tôi đạt được kết quả học tập tối đa". Lĩnh vực này tập trung vào tầm quan trọng của việc cung cấp một môi trường tự nhiên và xã hội trong đó tất cả HS, bất kể sự khác biệt cá nhân trong học tập có thể tham gia các hoạt động học tập khác nhau và làm việc hướng tới đạt được chuẩn học tập ở mức độ cao.

- *Lĩnh vực 3: Sự đa dạng của người học.* Câu hỏi quan trọng đối với GV "Liệu tôi có thể giúp HS học bất cứ điều gì theo khả năng, phong cách học tập, di sản văn hóa, nền tảng kinh tế xã hội và những sự khác biệt khác?" Lĩnh vực này nhấn mạnh ý tưởng rằng GV có

* Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

thể tạo điều kiện cho quá trình học tập cho các đối tượng HS đa dạng khác nhau, bằng cách trước hết là nhận biết được và tôn trọng những khác biệt cá nhân, sau đó sử dụng kiến thức về sự khác biệt của HS để thiết kế những hoạt động học tập đa dạng khác nhau, đảm bảo rằng tất cả HS có thể đạt được mục tiêu học tập phù hợp.

- *Lĩnh vực 4: Chương trình.* Câu hỏi quan trọng cho GV “HS của tôi có thể hiểu và đạt được mục tiêu chương trình thông qua các hoạt động và tài nguyên học tập khác nhau mà tôi đã chuẩn bị không? Tôi đã sử dụng ICT một cách phù hợp chưa?”. Lĩnh vực này nhấn mạnh tới tất cả các thành tố của quá trình dạy và học, làm việc trong sự tập trung để giúp HS đạt được chuẩn cao nhất của học tập và hiểu biết mục tiêu cũng như mục đích của chương trình. Những thành tố này bao gồm kiến thức của GV về vấn đề môn học, cách tiếp cận và hoạt động dạy và học, tài liệu giảng dạy và tài nguyên học tập bao gồm cả ICT.

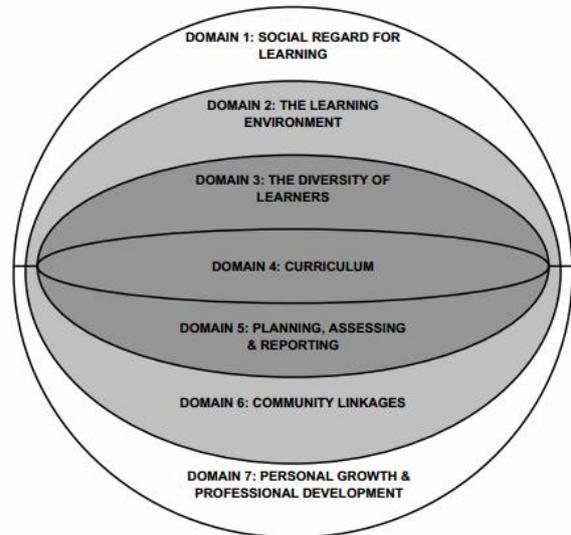
- *Lĩnh vực 5: Lập kế hoạch, đánh giá và báo cáo.* Câu hỏi quan trọng cho GV: “Tôi có đánh giá được việc học tập và kiến thức của HS bằng cách sử dụng những quy trình đánh giá giáo dục phù hợp? Và tôi có sử dụng những thông tin từ đánh giá này trong việc lập kế hoạch hoạt động dạy và học cho HS không?”. Lĩnh vực lập kế hoạch, đánh giá và báo cáo nhấn mạnh đến việc sử dụng mối liên kết của đánh giá và hoạt động lập kế hoạch để đảm bảo rằng hoạt động dạy và học là phù hợp tối đa với kiến thức và trình độ của HS. Đặc biệt, lĩnh vực này nhấn mạnh vào việc sử dụng dữ liệu đánh giá để lập kế hoạch và sửa đổi kế hoạch dạy và học cũng như việc tích hợp quy trình đánh giá quá trình trong kế hoạch và thực hiện hoạt động dạy học.

- *Lĩnh vực 6: Sự liên kết cộng đồng.* Câu hỏi quan trọng cho GV: “Những mục tiêu và đặc điểm của hoạt động dạy học mà tôi thực hiện có liên quan đến kinh nghiệm, giá trị và nguyện vọng trong cộng đồng của HS tôi không?”. Lĩnh vực sự liên kết cộng đồng nhấn mạnh vào ý tưởng rằng hoạt động nhà trường có liên kết một cách ý nghĩa với kinh nghiệm và nguyện vọng của HS ở nhà các em cũng như cộng đồng. Vì vậy, lĩnh vực này tập trung vào những nỗ lực của GV hướng dẫn sự tăng cường liên kết giữa hoạt động của nhà trường với cộng đồng, đặc biệt là những mối liên kết giúp đỡ trong việc đạt được các mục tiêu ngoại khóa.

- *Lĩnh vực 7: Sự phát triển cá nhân và phát triển chuyên môn.* Câu hỏi quan trọng cho GV: “Liệu những hành động và phát biểu của tôi cho thấy một sự quan tâm cao đối với nghề giảng dạy và cho sự phát triển

liên tục của mình như là một GV chuyên môn?”. Lĩnh vực phát triển cá nhân và phát triển chuyên môn nhấn mạnh đến ý tưởng rằng giá trị của GV có sự liên quan cá nhân cao, quan tâm đến sự phát triển chuyên môn cũng như sự tiến bộ liên tục.

Các khía cạnh tích hợp của CGV quốc gia dựa trên NL có thể được xem xét từ bên trong của hình cầu ra bên ngoài (*hình 1*). Ở trung tâm là những khía cạnh kĩ thuật của việc dạy và học. *Lĩnh vực 3*- Sự đa dạng của người học; *lĩnh vực 4*- Chương trình và *lĩnh vực 5*- lập kế hoạch, đánh giá và báo cáo có mối quan hệ mật thiết với nhau. Chúng miêu tả thực tiễn cần thiết để giảng dạy tốt. NL ICT được bao gồm như một mạch riêng biệt trong lĩnh vực chương trình. *Lĩnh vực 2*- Môi trường học tập và *lĩnh vực 6*- Sự liên kết cộng đồng có mối liên hệ với thực tiễn giảng dạy để đánh giá bối cảnh dạy và học: bối cảnh về thể chất, tâm lí, xã hội cho đến bối cảnh lớn hơn như các văn hóa nhỏ, kinh tế, chính trị và lịch sử của cộng đồng. Tất cả 5 lĩnh vực được đề cập trên làm nên một loạt thực tiễn tạo điều kiện cho GV học tập. Mặt khác, *lĩnh vực 1*- vấn đề xã hội liên quan đến học tập và *lĩnh vực 7*- sự phát triển cá nhân và phát triển nghề nghiệp là những động lực thúc đẩy 5 lĩnh vực còn lại.



Hình 1

2. Công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo dựa trên CGV quốc gia dựa trên NL

CGV quốc gia dựa trên NL của Philippines (NCBTS) đã nêu rõ vai trò không thể thiếu và chiến lược của GV trong quá trình học tập của HS. Chính vì vậy, điều cần thiết là sự phát triển GV cần được hỗ trợ và phát triển liên tục dựa trên CGV. Do đó, nó là điều kiện bắt buộc để xác định điểm mạnh cũng như

điểm yếu của mỗi cá nhân GV với các NL đã đề cập. Trong bối cảnh ấy, *công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo* (Teacher Strengths and Training Needs Assessment - TSNA) được thiết kế. Công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo được xây dựng bao trùm khái niệm phát triển chuyên môn GV. Nó được hình thành như một công cụ khuyến khích GV trong việc thực hiện trách nhiệm của mình, vì sự phát triển của chính cá nhân họ và sự thăng tiến nghề nghiệp. Quan điểm trong tư duy là để thúc đẩy việc học tập của HS.

Công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo được xây dựng dựa trên CGV quốc gia dựa trên NL với những lĩnh vực, mạch và chỉ số thực hiện được biểu thị thành những kiến thức, kĩ năng, thái độ cụ thể nhằm tạo nên công cụ gồm 270 mục kiến thức, kĩ năng, thái độ (KSAs) (*bảng 2*). Nó là điều cần thiết trong việc cung cấp chương trình phát triển chuyên môn chất lượng phù hợp với nhu cầu của GV; quyết định sự khác biệt giữa điều kiện mong muốn (những gì nên) và tình hình thực tế (là những gì) trong khuôn khổ NL GV với CGV quốc gia dựa trên NL và công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo (NCBTS và TSNA). Các thông tin về NL hiện tại của GV được so sánh với CGV quốc gia dựa trên NL cho việc giảng dạy hiệu quả (xem *bảng 1*).

Bảng 1

| Lĩnh vực | Mạch | Chỉ số | Các mục | Tỉ lệ % |
|--|------|--------|---------|---------|
| Lĩnh vực 1: Vấn đề xã hội cho học tập | 2 | 5 | 18 | 6,67% |
| Lĩnh vực 2: Môi trường học tập | 5 | 17 | 59 | 21,85% |
| Lĩnh vực 3: Sự đa dạng của người học | 1 | 8 | 27 | 10,00% |
| Lĩnh vực 4: Chương trình | 7 | 22 | 78 | 28,89% |
| Lĩnh vực 5: Lập kế hoạch, đánh giá và báo cáo | 4 | 12 | 40 | 14,81% |
| Lĩnh vực 6: Sự liên kết cộng đồng | 1 | 6 | 18 | 6,67% |
| Lĩnh vực 7: Sự phát triển cá nhân và phát triển chuyên môn | 3 | 10 | 30 | 11,11% |
| Tổng cộng: 7 | 23 | 80 | 270 | 100% |

Mỗi mục được chia ra các mức NL: cao (H), đạt yêu cầu (S), bình thường (F), và thấp (L). Tuy nhiên, để định lượng được dễ dàng hơn, trong phân tích được gán số cho từng mô tả là: H-4; S-3; F-2; L-1.

Các mã tham khảo trình hướng dẫn tự đánh giá cho mỗi mục trong KSAs (xem *bảng 2*).

Bảng 2

| Mã của cấp độ NL | Mô tả chất lượng |
|------------------|---|
| Cao (H) | Tôi rất có NL trong KSA và điều này không phải là vấn đề ưu tiên trong đào tạo của tôi. |
| Đạt yêu cầu (S) | Tôi có NL trong KSA nhưng tôi sẽ có lợi từ đào tạo thêm. |
| Bình thường (F) | Tôi hoàn thành trong KSA nhưng cần đào tạo thêm. |
| Thấp (L) | Tôi có NL thấp trong KSA và cần đào tạo cấp bách. |

Giải thích kết quả: Sau khi hoàn thành việc đánh giá, với các điểm thu được, tính trung bình cho mỗi lĩnh vực hay mạch để có thể sử dụng giải thích bằng cách sử dụng các chỉ số thích hợp (xem *bảng 3*).

Bảng 3

| Mức | | Mô tả các cấp độ NL dạy học |
|------------|----------------|---|
| Thang điểm | Tỉ lệ % điểm | |
| 3.51- 4.00 | 87,51 - 100% | Thành thạo (Expert) Có thể hỗ trợ để phát triển các GV khác |
| 2.51-3.50 | 62,51 - 87,50% | Có kinh nghiệm (Experienced) Có NL nhưng sẽ tốt hơn nếu đào tạo và phát triển thêm |
| 1.51-2.50 | 37,51 - 62,50% | Đang phát triển (Developing) Cần được đào tạo và phát triển thêm |
| 1.00-1.50 | 25,00 - 37,50% | Mới bắt đầu (Beginning) Còn thiếu NL, cần đào tạo và phát triển gấp |

CGV quốc gia dựa trên NL và công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo được xem như một công cụ tự đánh giá. Do đó, việc xác định sự khác biệt giữa NL mong đợi và NL hiện tại của GV trong khuôn khổ kiến thức, kĩ năng và thái độ đã được xác định thành lĩnh vực, mạch và chỉ số NL của chuẩn CGV quốc gia dựa trên NL. CGV quốc gia cung cấp những định hướng cơ bản về vị trí NL của mỗi GV - thành tố quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc gia. Các GV có trách nhiệm lớn trong việc cải thiện kết quả giáo dục của mọi HS trong các nhà trường.

Mục tiêu đầu ra quan trọng của công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo là sự tác động từ cá nhân GV, được thể hiện trong việc chuẩn bị của kế hoạch cá nhân về chương trình phát triển chuyên môn. Nó được sử dụng trong việc thiết kế chương trình phát triển chuyên môn và hoạt động của GV ở nhà trường, khu vực và vùng. Các chương trình phát triển chuyên môn sẽ được thông báo và lên kế hoạch cải thiện trường học, kế hoạch phát triển khu vực và kế hoạch phát triển vùng. Hệ thống công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo đảm bảo rằng GV thường xuyên sử dụng CGV quốc gia dựa trên NL trong việc thực hiện tự đánh giá thực tiễn giảng dạy của mình để xác định điểm mạnh cá nhân và nhu cầu phát triển, và người đứng đầu nhà trường, bộ phận, văn phòng khu vực cũng thường xuyên sử dụng CGV dựa trên NL trong xác định nhân tố chất lượng GV mà ảnh hưởng đến mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Hiện nay, CGV quốc gia dựa trên NL và công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo (NCBTS và TSNA) được sử dụng cho GV tất cả các trường giáo dục công lập. Trong khi CGV quốc gia dựa trên NL không phải là một công cụ đánh giá thực hiện nhưng căn cứ vào đó

GV tự đánh giá để xác định mức độ NL của mình. Nếu các GV nhận thấy hữu ích trong việc lên kế hoạch phát triển cho mình, nó có thể được sử dụng như một biện pháp cho kế hoạch phát triển cá nhân.

CGV quốc gia dựa trên NL, công cụ đánh giá nhu cầu đào tạo (NCBTS và TSNA) và đánh giá thực hiện dựa trên NL là những công cụ chung để đo lường và đánh giá NL của GV. Vì vậy, nó đã được thông qua và phù hợp với lĩnh vực học tập mà GV xử lý. Tuy nhiên, có những NL vẫn cần được xem xét để sắp xếp các chỉ số cụ thể cho các thành phần của từng lĩnh vực. Các khía cạnh sau trong giảng dạy khoa học dưới sự phát triển chuyên môn của GV khoa học yêu cầu hỗ trợ và nghiên cứu xa hơn, đó là: Thực hiện phản ánh chuyên môn cá nhân thông qua nghiên cứu lớp học, quan sát đồng nghiệp và nhận xét; phát triển kế hoạch hoạt động bao gồm quy trình của phân tích nhu cầu, thiết lập mục tiêu, thực hiện, rà soát và sửa đổi; duy trì sự phát triển trong khoa học đương đại, sự phạm và chính sách thông qua phát triển liên

tục; tham gia tích cực với cộng đồng học tập chuyên môn trong nhà trường và xa hơn nữa. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Department of education Philippines (2006). *National competency-based teacher standards (NCBTS) - A professional development guide for Filipino teachers*.
- [2] Department of education Philippines (2010). *Training and Development System Operations Manual*.
- [3] Department of education Philippines (2010). *NCBTS-TSNA Guide and Tools*.
- [4] Dr. Luz Osmena (2014). *The quality of science teacher and science teaching in the Philippines: current practices and challenges (Report of international workshop "Southeast Asia Regional Standards for Science Teachers" in Penang - Malaysia)*.
- [5] Dr. Luz Osmena (2014). *Local descriptors of SEARS- ST (Report of international workshop "Southeast Asia Regional Standards for Science Teachers" in Penang - Malaysia)*.

Kinh nghiệm đào tạo giáo viên...

(Tiếp theo trang 60)

- GV trong một trường phổ thông tham gia hoạt động ĐT; - Cán bộ ĐT là các GV có nhiều kinh nghiệm trong trường phổ thông hay những cán bộ nguồn được mời đến; - Việc ĐT được tiến hành trên cơ sở so le nhau và duy trì cho đến khi các GV có khả năng tinh thông cần thiết; - Trong khi CTĐT ở những phần thảo luận trước được ủy nhiệm từ bên ngoài và thường có ngân sách từ bên ngoài thì việc ĐT tại trường phổ thông lại được thực hiện tại địa phương và chú trọng hơn đến nhu cầu được nêu của GV; - Việc yêu cầu những GV vừa mới trở về từ một khóa ĐT cấp quốc gia, vùng hay phân khu tiến hành giảng dạy mẫu về các chủ đề cụ thể trước những GV khác đang theo cùng bộ môn là việc hết sức phổ biến ở nhiều trường học. Họ nhận thấy, CT tại trường phổ thông này rất có lợi khi học hỏi được lẫn nhau trong một bầu không khí mô phạm thư giãn.

Việt Nam đang chứng kiến sự mở rộng quy mô GDĐH với tốc độ nhanh, quá trình tăng trưởng này diễn ra một cách "ngoạn mục" hơn so với các quốc gia đã phát triển trước đó. Vì vậy, mâu thuẫn giữa việc đại chúng hóa và nâng cao chất lượng ĐT tiếp tục tạo áp lực cạnh tranh đối với ngân sách, đồng thời ảnh hưởng

tới những quyết định về mặt học thuật. Đại chúng hóa và toàn cầu hóa đòi hỏi một hệ thống học thuật khác với trước đây và điều này chỉ có thể thực hiện được với một hệ thống quản lý thích hợp. Hệ thống quản lý GDĐH ở nước ta hiện nay có nhiều điểm khác biệt so với các nước do lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau. Bởi thế, những điểm mạnh trong hệ thống GD của một số nước ở châu Á nếu áp dụng được cho các trường đại học ở nước ta nói chung, cơ sở ĐTGV nói riêng sẽ mang lại hiệu quả cao. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Đức Thiệp (2009). *Đào tạo giáo viên ở cộng đồng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa và những đề xuất đổi mới đào tạo giáo viên ở Việt Nam*. Hội thảo "Mô hình đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế". Bộ GD-ĐT.
- [2] Bộ GD-ĐT (2009). *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông*. Dự án phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp.
- [3] Luccile Gregorio (2009). *Các mô hình đào tạo giáo viên tại Philipines*. Hội thảo "Mô hình đào tạo giáo viên trung học cơ sở và trung cấp chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế". Bộ GD-ĐT.
- [4] Phạm Đỗ Nhật Tiến (2013). *Đổi mới đào tạo giáo viên trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.